TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 28/4/2020
V/v kiện xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ – TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Hằng – Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Văn Thanh và ông Nguyễn Văn Mạnh.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Anh – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST - HNGĐ ngày 16/12/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX – ST ngày 13/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P - sinh năm 1963.

Nơi cư trú: khối 1, phường Nghi T, thị xã C, Nghệ An.

(Có mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị X - sinh năm 1979.

Nơi ĐKHK: xóm Long N, xã Nghi K, huyện N, Nghệ An.

Nơi cư trú thường xuyên và cuối cùng: khối 1, phường Nghi T, thị xã C, Nghệ An.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ tình cảm: ông Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị X kết hôn nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/6/2016 tại UBND phường Nghi T, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vợ chồng ở với nhau được 1 năm thì xẩy ra bất đồng và chị X bỏ về ngoại nhiều lần, nhưng được sự giúp đỡ giữa hai bên gia đình và bà con trong khối nên hai vợ chồng quay lại sống với nhau. Nhưng đến ngày 02/6/2019 chị X đã bồng con bỏ đi, ông P không hề biết. Từ khi chị X bỏ đi, ông đã nhiều lần tìm cách nói chuyện với chị X và tìm địa chỉ của chị X nhưng đều không được. Ông cũng về quê của chị X ở xã Nghi K, huyện N để tìm nhưng mẹ của chị X bị bệnh tai biến và cũng không biết địa chỉ của chị Xuân ở đâu. Trước khi chị X bỏ đi đã viết đơn ly hôn ông. Nay nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với chị Phạm Thị X.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 01/02/2017. Khi chị X bỏ đi đã đưa con đi theo nên ông đồng ý để chị X trực tiếp nuôi con chung. Và ông đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị X yêu cầu.

Về tài sản chung: vợ chồng ông không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chị Phạm Thị X vắng mặt tại địa phương. Nhưng tại bản tự khai chị Phạm Thị X gửi cho Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò vào ngày 06/01/2020 thể hiện nội dung: Chị và anh Nguyễn Văn P đã đăng ký kết hôn vào vào năm 2016 tại UBND phường Nghi T, thị xã C. Hai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 01/02/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng và chị bị đối xử bạo lực về tinh thần, thể xác cũng như bị tước quyền tự chủ tới mức không thể chịu đựng được. Nên chị đã quyết định ra đi cùng với con nhỏ. Về tài sản chung không có tài sản chung. Về tài chính không cho vay, không vay nợ.

Nay chị có ý kiến: Chị đồng ý ly hôn với anh và chị đồng ý nuôi con chung là cháu Nguyễn Xuân Ph yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi. Đồng thời chị X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do chị đang ở xa và bận chăm con ốm yếu không tới tham gia trực tiếp được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương tại khối 6, phường Nghi T, thị xã C, và xóm Long N, xã Nghi K, huyện ; kết quả như sau: Chị Phạm Thị X có đăng ký hộ khẩu ở xóm Long N, xã Nghi K (nay là xóm Quyết T, xã Khánh H, huyện N, tỉnh Nghệ An), tuy nhiên chị X không sinh sống tại địa phương; chị X đi đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không biết và chị X cũng không thực hiện việc khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương. Khi chị Phạm Thị X và ông Nguyễn Văn P kết hôn

thì 2 vợ chồng chung sống tại khối 1, phường Nghi T, thị xã C. Từ đó cho đến thời điểm chị X không ở cùng ông P nữa (khoảng tháng 6/2019) thì chị X thường xuyên sinh sống tại khối 1, phường Nghi T, thị xã C.

Đến ngày xét xử sơ thẩm, chị Phạm Thị X vẫn không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho ông Nguyễn Văn P ly hôn chị Phạm Thị X. Về con chung: đề nghị giao con chung cho chị Phạm Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

Về án phí: đề nghị tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P có yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị X. Chị Phạm Thị X có đăng ký hộ khẩu tại xóm L, xã Nghi K, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xóm Quyết T, xã Khánh H, huyện N, tỉnh Nghệ An) nhưng không sinh sống tại đây. Theo sổ hộ khẩu ông P cung cấp thì vào ngày 08/4/2017, chị X đã nhập khẩu về khối 1, phường Nghi T, thị xã C cho đến ngày 02/6/2019 thì bỏ đi. Như vậy, nơi ở thường xuyên của chị Phạm Thị X trước khi vắng mặt tại địa phương là khối 1, phường Nghi T, thị xã C. Căn cứ vào Điều 28, điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn P là đúng quy định của pháp luật.

- Bị đơn chị Phạm Thị X không có mặt tại địa phương, không làm thủ tục cắt báo tạm trú, tạm vắng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị X đã nhận được

Thông báo thụ lý vụ án (theo hướng dẫn của chị X, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý thông qua địa chỉ của người thân chị X); chị X đã gửi bản tự khai về cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt. Căn cứ vào điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của chị Phạm Thị X.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị X lấy nhau có đăng ký kết hôn vào 29/6/2016 tại UBND phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Do vậy giữa ông Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị X đã phát sinh quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông P khai, sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống được thời gian ngắn thì xẩy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; đồng thời chị X bỏ nhà đi từ tháng 6/2019 mà không hề thông tin gì cho ông. Chị Phạm Thị X đồng ý ly hôn với ông P với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị bị hành hạ ngược đãi về thể chất, tinh thần nên phải bỏ nhà đi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn P và chị Phạm Thị X đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, và vợ chồng đã không sống cùng nhau từ tháng 6/2019, vì lý do chị Phạm Thị X bỏ nhà ra đi. Điều này chứng tỏ giữa ông P và chị X không còn tin yêu, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P là cho được ly hôn với chị Phạm Thị X.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị Xuân đều thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 01/02/2017 và hiện nay đang ở cùng với chị X.

Ông P và chị X đều đề nghị giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Nguyễn Xuân Ph đã và đang ở cùng với chị X; cháu Phúc hiện tại còn rất nhỏ nên việc giao cháu Phúc cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Nguyên Văn Phong có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị X đề nghị ông Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Ph trưởng thành 18 tuổi. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P đồng ý mức cấp dưỡng mà chị X yêu cầu.

Xét nguyện vọng của chị X, ông P là tự nguyện; không trái pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung cho chị Phạm Thị X mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung và khoản nợ: Ông Nguyễn Văn P, chị Phạm Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; buộc ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Phạm Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 01/02/2017 cho chị Phạm Thị X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 4/2020 cho đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số 0000221 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Văn P còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dán sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TX Cửa Lò;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Chi cục THADS TX Cửa Lò;;*
- *UBND P Nghi Tân (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Lệ Hằng